

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Lịch sử thế giới
Mã ngành:	8229011
Nhóm ngành:	Lịch sử thế giới
Định hướng chương trình:	Ứng dụng
Khoa đào tạo:	Lịch sử

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Lịch sử thế giới
Mã ngành:	8229011
Nhóm ngành:	Lịch sử thế giới
Định hướng chương trình:	Ứng dụng
Khoa đào tạo:	Lịch sử

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Sau khi hoàn tất chương trình đào tạo: người học làm chủ được hệ thống kiến thức thuộc lĩnh vực chuyên ngành lựa chọn; có khả năng phát hiện và giải quyết, các vấn đề của Lịch sử thế giới; ứng dụng các vấn đề đã học vào thực tiễn; có năng lực thực hiện công tác chuyên môn thuộc chuyên ngành đào tạo.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học sau khi tốt nghiệp:

Người học được bổ sung các kiến thức chuyên sâu và cập nhật về Lịch sử Thế giới, chú trọng đến các khu vực, các quốc gia có ảnh hưởng, tác động đến tiến trình lịch sử nhân loại và tiến trình lịch sử Việt Nam.

Người học được hướng dẫn tiếp cận tri thức Lịch sử Thế giới từ nhiều góc nhìn, nhiều trường phái nghiên cứu khác nhau ở Việt Nam và thế giới.

Sau khi hoàn tất chương trình đào tạo, người học có khả năng phát hiện và độc lập giải quyết các vấn đề Lịch sử Thế giới và khoa học lịch sử nói chung; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo, ứng dụng các vấn đề đã học vào thực tiễn.

Xây dựng được quan điểm riêng về một số vấn đề Lịch sử thế giới, đặc biệt là những vấn đề lịch sử thế giới có liên quan trực tiếp đến lịch sử Việt Nam và kết nối với hiện tại. Xác định được hướng nghiên cứu chuyên sâu nhằm chuẩn bị cho hoạt động nghiên cứu độc lập hoặc học ở bậc học cao hơn.

1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã CDR	Mô tả
PHẨM CHẤT	
PLO 1	Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp
<i>PI.1.1</i>	<i>Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</i>
PI.1.1.1	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong học tập, làm việc
PI.1.1.2	Thể hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm và nghĩa vụ trong học tập, làm việc theo quy định (của Đảng, Nhà nước, cơ quan, tổ chức)
<i>PI.1.2</i>	<i>Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp</i>
PI.1.2.1	Chủ động tìm hiểu về tác phong làm việc chuyên nghiệp liên quan đến nghề
PI.1.2.2	Ứng xử một cách chuyên nghiệp trong các tình huống nghiên cứu, làm việc
NĂNG LỰC CHUNG	
PLO 2	Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo
<i>PI.2.1</i>	<i>Phản biện các vấn đề một cách khoa học</i>
PI.2.1.1	Xác định vấn đề cần phản biện một cách chủ động
PI.2.1.2	Lập luận một cách khoa học với các luận cứ, luận chứng thuyết phục để phản biện vấn đề
<i>PI.2.2</i>	<i>Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo</i>
PI.2.2.1	Xác định được phương thức giải quyết vấn đề một cách sáng tạo
PI.2.2.2	Thực hiện phương thức đã lựa chọn để giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo
PLO 3	Tự chủ trong quản lý và phát triển chuyên môn
<i>PI.3.1</i>	<i>Đề xuất được các sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn</i>

Mã CDR	Mô tả
PI.3.1.1	Phân tích được các định hướng cải tiến lĩnh vực chuyên môn
PI.3.1.2	Đề xuất được các sáng kiến hướng đến tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn
PI.3.2	<i>Thích ứng và hướng dẫn người khác thực hiện được hoạt động chuyên môn</i>
PI.3.2.1	Thích ứng và tự định hướng được hoạt động chuyên môn
PI.3.2.2	Hướng dẫn người khác thực hiện hoạt động chuyên môn một cách hiệu quả
PI.3.3	<i>Vận dụng các kiến thức về quản trị và quản lý để tổ chức hoạt động chuyên môn hiệu quả</i>
PI.3.3.1	Xác định được các biện pháp để quản trị, quản lý hoạt động chuyên môn
PI.3.2.2	Lựa chọn được các biện pháp khả thi để quản trị và quản lý hiệu quả hoạt động chuyên môn
NĂNG LỰC CHUYÊN NGÀNH	
PLO 4	Vận dụng kiến thức, kĩ năng của khoa học Lịch sử để giải quyết các vấn đề nghiên cứu của chuyên ngành Lịch sử Thế giới
PI 4.1	Phân tích được những vấn đề chuyên sâu về Lịch sử Thế giới
PI 4.1.1	Phân tích được các nội dung về quá trình hình thành, phát triển và suy vong của các quốc gia trên thế giới.
PI 4.1.2	Phân tích được quá trình vận động của lịch sử thế giới, đúc kết, đánh giá được ý nghĩa, những bài học lịch sử qua các thời kỳ.
PI 4.2	Vận dụng được kết quả nghiên cứu để giải quyết các vấn đề khoa học do thực tiễn công tác đề ra.
PI 4.2.1	Vận dụng kết quả nghiên cứu để phân tích và lý giải một cách khoa học các vấn đề kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội ở các quốc gia, khu vực trên thế giới.
PI 4.2.2	Vận dụng được các kết quả nghiên cứu về lịch sử thế giới để giải quyết các vấn đề liên quan đến thực tiễn công tác.
PLO 5	Thực hiện một vấn đề nghiên cứu thuộc ngành lịch sử thế giới phục vụ yêu cầu thực tiễn đặt ra

Mã CDR	Mô tả
PI 5.1	Xác định những vấn đề nghiên cứu lịch sử thế giới phục vụ yêu cầu thực tiễn đề ra.
PI 5.1.1	Xác định được đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu
PI 5.1.2	Đánh giá được kết quả cụ thể vấn đề nghiên cứu thuộc chuyên ngành lịch sử thế giới.
PI 5.2	Vận dụng được các phương pháp và kỹ năng chuyên ngành để nghiên cứu đề tài lịch sử thế giới
PI 5.2.1	Xác định được các phương pháp nghiên cứu, kỹ năng của chuyên ngành để triển khai đề tài.
PI 5.2.2	Thực hiện được một đề tài nghiên cứu lịch sử thế giới gắn với những vấn đề của thực tiễn đặt ra.

1.3. Cơ hội việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chuyên ngành lịch sử thế giới có thể làm việc ở những vị trí: Người học có khả năng giảng dạy Lịch sử ở các trường đại học, cao đẳng, các trường phổ thông, các viện, trung tâm nghiên cứu; đảm nhận các công việc liên quan đến lĩnh vực đối ngoại, các tổ chức quốc tế, các tổ chức có yếu tố nước ngoài, đảm nhận các công việc có liên quan đến nghiên cứu lịch sử như các bảo tàng, sở du lịch, đài phát thanh, truyền hình, cơ quan báo chí, doanh nghiệp.....

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Học viên có thể tiếp tục học nghiên cứu sinh ngành Lịch sử thế giới, chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử (nhưng cần bổ túc khối lượng kiến chuyên ngành).

1.5. Thời gian đào tạo: 2 năm

1.6. Tổng số tín chỉ: 62 tín chỉ

1.7. Thang điểm

a) Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần (tổng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần). Điểm học phần được làm tròn đến hai chữ số thập

phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A
	Từ 7,8 đến cận 8,5	B ⁺
	Từ 7,0 đến cận 7,8	B
	Từ 6,3 đến cận 7,0	C ⁺
	Từ 5,5 đến cận 6,3	C
Không đạt	Dưới 5,5	D

b) Điểm chữ của học phần được quy đổi về thang điểm 4 của học phần, cụ thể;

Thang điểm chữ	Thang điểm 4
A	4,0
B ⁺	3,5
B	3,0
C ⁺	2,5
C	2,0
D ⁺	1,5
D	1,0
F ⁺	0,5
F	0,0

c) Các trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

1.8. Các chương trình đối sánh, tham khảo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lịch sử Thế giới – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lịch sử Thế giới – Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. TUYỂN SINH

2.1. Phương thức: Có 2 phương thức: Thi tuyển hoặc xét tuyển

2.2. Đối tượng tuyển sinh

2.2.1. Điều kiện dự tuyển

+ Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển; ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải có Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp hoặc tương đương trở lên;

b) Đối với người đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu phải tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

+ Về năng lực ngoại ngữ: Người dự tuyển phải đáp ứng một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài;

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm (24 tháng) có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

đ) Có chứng chỉ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

e) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

g) Có điểm đạt từ 50% trở lên đối với thang điểm của bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào do Trường tổ chức;

e) Người dự tuyển là công dân nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Việt Nam phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

+ Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

a) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần, ngành khác với chuyên ngành Quản lý giáo dục phải có tối thiểu 2 năm (24 tháng) kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giáo dục (gồm: bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động và giấy xác nhận hợp pháp của cơ quan công tác;

b) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành Quản lý giáo dục hoặc các chuyên ngành tuyển sinh khác không yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn.

+ Các yêu cầu khác

a) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

b) Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu;

c) Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, hợp lệ và đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.2. Phương thức thi tuyển:

Các môn thi tuyển gồm:

- Môn ngoại ngữ: Theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và các văn bản hướng dẫn bổ sung.

- Môn cơ bản: Lịch sử thế giới

- Môn cơ sở: Lịch sử Việt Nam

2.2.3. Xét tuyển:

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc đại học. Chi tiết được quy định trong Đề án tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Điều kiện trúng tuyển

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Chương trình bổ sung kiến thức

2.4.1. Danh sách các chuyên ngành phù hợp

- Ngành phù hợp (không bổ sung kiến thức): Sư phạm Lịch sử; Lịch sử;

- Ngành gần (phải bổ sung kiến thức): Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Quốc tế học; Việt Nam học; Đông phương học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Trung Quốc học; Đông Nam Á học; Châu Á học; Thái Bình Dương học; Tôn giáo học.

2.4.2. Khung chương trình bổ sung kiến thức

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TT
1		Lịch sử thế giới cổ trung đại	04	60	
2		Lịch sử thế giới cận hiện đại	04	60	
3		Lịch sử Đông Nam Á	02	30	
Tổng số tín chỉ			10		

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

a) Đã hoàn thành chương trình thuộc ngành đào tạo trong thời hạn đào tạo theo quy định;

b) Đã nộp và bảo vệ luận văn, đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng

về việc đã chỉnh sửa luận văn, đề án đúng và đủ theo kết luận của hội đồng;

c) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối học phần	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ	Bắt buộc		Tự chọn	
			Số TC	Tỉ lệ	Số TC	Tỉ lệ
Kiến thức chung	5	8,1%	5	-	-	-
Kiến thức chuyên ngành	39	62,9%	24	61,5%	15	38,5%
Thực tập	9	14,5%	9	-	-	-
Đề án tốt nghiệp	9	14,5%	9	-	-	-
Tổng	62	100%	47		15	

4.2. Khung chương trình

Quy ước viết tắt trong bảng: TC: Tự chọn; LT: Lí thuyết; TH, TL: Thực hành, thảo luận; QT: Quá trình; TK: Tổng kết

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TL	Hệ số kiểm tra	
						QT	TK
I	KIẾN THỨC CHUNG		5				
1	08LSTG1001	Triết học	4				
2	08LSTG1002	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học	1				

II	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		39				
	Học phần bắt buộc		24				
3	08LSTG2003	Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử	3	30	30	40	60
4	08LSTG2004	Lịch sử chế độ thực dân	3	30	30	40	60
5	08LSTG2005	Chính sách ngoại giao của Trung Quốc sau chiến tranh lạnh	3	30	30	40	60
6	08LSTG2006	Địa chính trị và địa chiến lược trong quan hệ quốc tế thời cận – hiện đại	3	30	30	40	60
7	08LSTG2007	Lịch sử - văn hoá các quốc gia cổ khu vực Đông Nam Á lục địa	3	30	30	40	60
8	08LSTG2008	Nhà nước trong thời kỳ cổ trung đại và những giá trị còn lại	3	30	30	40	60
9	08LSTG2009	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	3	30	30	40	60
10	08LSTG2010	Hệ thống kiến thức lịch sử thế giới – tiếp cận từ góc nhìn ứng dụng	3	30	30	40	60
	Học phần tự chọn		15				
11	08LSTG2011	Xây dựng hồ sơ tư liệu lịch sử: Trường hợp cách mạng tháng Mười Nga	3	30	30	40	60
12	08LSTG2012	Lịch sử thế giới trong chương trình phổ thông – cách tiếp cận theo hướng phát triển năng lực	3	30	30	40	60
13	08LSTG2013	Lịch sử nghệ thuật Đông Nam Á	3	30	30	40	60
14	08LSTG2014	Dấu ấn văn hóa Pháp ở Việt Nam	3	30	30	40	60
15	08LSTG2015	Đời sống văn hóa của cư dân phương Tây thời trung cổ (thế kỷ V - thế kỷ XV)	3	30	30	40	60

16	08LSTG2016	Quan hệ Ấn Độ - Đông Nam Á: Một số vấn đề về tôn giáo và văn hóa	3	30	30	40	60
17	08LSTG2017	Lịch sử hình thành và phát triển con đường tơ lụa (thế kỷ II TCN -thế kỷ XVI)	3	30	30	40	60
18	08LSTG2018	Quan hệ Nhật Bản – Việt Nam trong Lịch sử	3	30	30	40	60
19	08LSTG2019	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	30	30	40	60
20	08LSTG2020	Sự điều chỉnh chiến lược của một số nước lớn hiện nay	3	30	30	40	60
III	THỰC TẬP		9				
21	08LSTG4021	Thực tập	9				
IV	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP		9				
22	08LSTG5024	Đề án	9				
	Tổng số tín chỉ		62				

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
Học kì 1 (Tổng cộng: 20 tín chỉ, bao gồm 20 tín chỉ bắt buộc và 0 tín chỉ tự chọn)		
08LSTG1001	Triết học	4
08LSTG1002	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học	1
08LSTG2003	Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử	3
08LSTG2007	Lịch sử - văn hoá các quốc gia cổ khu vực Đông Nam Á lục địa	3
08LSTG2004	Lịch sử chế độ thực dân	3
08LSTG2006	Địa chính trị và địa chiến lược trong quan hệ quốc tế thời cận – hiện đại	3
08LSTG2008	Nhà nước trong thời kỳ cổ trung đại và những giá trị còn lại	3
Học kì 2 (Tổng cộng: 18 tín chỉ, bao gồm 9 tín chỉ bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn)		

08LSTG2005	Chính sách ngoại giao của Trung Quốc sau chiến tranh lạnh	3
08LSTG2009	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	3
08LSTG2010	Hệ thống kiến thức lịch sử thế giới – tiếp cận từ góc nhìn ứng dụng	3
08LSTG2011	Xây dựng hồ sơ tư liệu lịch sử: Trường hợp cách mạng tháng Mười Nga	3
08LSTG2012	Lịch sử thế giới trong chương trình phổ thông – cách tiếp cận theo hướng phát triển năng lực	3
08LSTG2013	Lịch sử nghệ thuật Đông Nam Á	3
08LSTG2014	Dấu ấn văn hóa Pháp ở Việt Nam	3
08LSTG2015	Đời sống văn hóa của cư dân phương Tây thời trung cổ (thế kỷ V - thế kỷ XV)	3
08LSTG2016	Quan hệ Ấn Độ - Đông Nam Á: Một số vấn đề về tôn giáo và văn hóa	3
08LSTG2017	Lịch sử hình thành và phát triển con đường tơ lụa (thế kỷ II TCN - thế kỷ XVI)	3
08LSTG2018	Quan hệ Nhật Bản – Việt Nam trong Lịch Sử	3
08LSTG2019	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
08LSTG2020	Sự điều chỉnh chiến lược của một số nước lớn hiện nay	3
Học kì 3 (Tổng cộng: 15 tín chỉ, bao gồm 6 tín chỉ tự chọn và 9 tín chỉ thực tập)		
	Tự chọn	3
	Tự chọn	3
08LSTG4021	Thực tập	9
Học kì 4 (Tổng cộng: 9 TC, bao gồm 9 tín chỉ đề án, đồ án tốt nghiệp)		
08LSTG5024	Đề án	9

6. MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. Triết học

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08LSTG1001
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần Triết học gồm 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (chương 1: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lí luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người).

2. Đạo đức trong nghiên cứu khoa học

- Số tín chỉ: 1
- Mã học phần: 08LSTG1002
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần thuộc khối kiến thức chung, góp phần giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo thạc sĩ gồm: Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp; Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo. Học phần gồm 03 nội dung liên quan đến tổng quan về nghiên cứu khoa học; Đạo đức và các hành vi vi phạm đạo đức trong nghiên cứu khoa học; Quy định trích dẫn và kiểm tra đạo văn tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và phần mềm trích dẫn Mendeley.

3. Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử

- Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử
- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08LSTG2003
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung: Học phần gồm 4 nội dung chính. Thông qua học phần, người học được nâng cao nhận thức lý luận và kỹ năng nghiên cứu khoa học. Từ đó, thúc đẩy người học thường xuyên tự nghiên cứu để nâng cao hiệu quả công việc của mình. Riêng với những học viên là giáo viên, việc tự nghiên cứu thường xuyên trong dạy học theo chương trình GDPT 2018 chính là một nhiệm vụ quan trọng để một mặt, dùng cho thiết kế tài liệu dạy học của bản thân; mặt khác, góp phần đào tạo học sinh có năng lực theo mục tiêu chương trình, nhất là các năng lực “tự chủ và tự học”, “giải quyết vấn đề và sáng tạo”.

4. Lịch sử chế độ thực dân

- Tên học phần: Lịch sử chế độ thực dân
- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08LSTG2004
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm 6 phần lý thuyết và 01 bài thực hành nghiên cứu. Thông qua học phần, người học sẽ xác định được các nguồn gốc của chủ nghĩa thực dân (trên các phương diện tiếp cận lịch sử, kinh tế, văn hóa, tôn giáo), quá trình hình thành, phát triển và tiêu vong của chế độ thực dân (chủ yếu là các quốc gia Tây Âu như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh, Pháp). Trên cơ sở này, người học vận dụng để có thể phân tích những khác biệt, tương đồng giữa các chế độ thực dân, phân tích vai trò - ý nghĩa lịch sử của chế độ thực dân và thực hiện một nghiên cứu về lịch sử chế độ thực dân.

5. Chính sách ngoại giao của Trung Quốc sau chiến tranh lạnh

- Tên học phần: Chính sách ngoại giao của Trung Quốc sau chiến tranh lạnh
- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08LSTG2005
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm 4 nội dung. Thông qua học phần, người học lĩnh hội những kiến thức chuyên sâu về chính sách ngoại giao của Trung Quốc sau chiến tranh lạnh. Trên cơ sở này, người học phân tích quá trình hoạch định, triển khai chính sách ngoại giao của Trung Quốc sau chiến tranh lạnh và ảnh hưởng của chính sách ngoại giao nước này đến khu vực và thế giới.

6. Địa chính trị và địa chiến lược trong quan hệ quốc tế thời cận - hiện đại

- Tên học phần: Địa chính trị và địa chiến lược trong quan hệ quốc tế thời cận - hiện đại
- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08LSTG2006

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần có 4 nội dung: Học phần sẽ trình bày hệ thống các khái niệm về địa chính trị và địa chiến lược; Mối quan hệ giữa yếu tố địa lý và chính trị, vai trò địa chính trị, tài nguyên địa chính trị và trường địa chính trị; Sự phát triển tư tưởng địa chính trị trong lịch sử; Địa chính trị qua các thời kỳ và các khu vực trên thế giới; Quá trình giảng dạy sẽ kết hợp giữa lý thuyết và thực hành của học viên. Thông qua học phần này sẽ giúp học viên có sự hiểu biết về mối quan hệ giữa tài nguyên địa chính trị, địa chiến lược với việc hoạch định chính sách trong quan hệ quốc tế, từ đó học viên có thể vận dụng để phân tích, lý giải những vấn đề trong quan hệ quốc tế trong khu vực và thế giới.

7. Lịch sử - văn hoá các quốc gia cổ khu vực Đông Nam Á lục địa

- Tên học phần: Lịch sử - văn hoá các quốc gia cổ khu vực Đông Nam Á lục địa
- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08LSTG2007
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm 5 nội dung chính. Thông qua học phần, người học phân tích được những nội dung về lịch sử - văn hoá các quốc gia cổ khu vực Đông Nam Á lục địa. Từ đó, người học có thể lý giải một cách khoa học các vấn đề kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội ở các quốc gia, khu vực Đông Nam Á lục địa.

8. Nhà nước trong thời kỳ Cổ trung đại và những giá trị còn lại

- Tên học phần: Nhà nước trong thời kỳ Cổ trung đại và những giá trị còn lại
- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08LSTG2008
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm 4 nội dung chính. Thông qua học phần, người học phân tích được những nội dung về nhà nước trong thời kỳ Cổ trung đại và những kế thừa trong thế

giới hiện đại . Từ đó, người học có thể vận dụng trong hoạt động thực tiễn theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử để giải quyết những vấn đề về nhà nước trong đời sống, xã hội hiện nay.

9. Chủ nghĩa tư bản hiện đại

- Tên học phần: Chủ nghĩa Tư bản hiện đại
- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08LSTG2009
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần có 4 nội dung: Học phần sẽ trình bày hệ thống các khái niệm và quá trình ra đời chủ nghĩa tư bản hiện đại; Những đặc trưng của chủ nghĩa tư bản hiện đại; Chính trị, kinh tế, văn hóa; Những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản hiện đại; quá trình vận động và tương lai của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Quá trình giảng dạy sẽ kết hợp giữa lý thuyết và thực hành của học viên. Thông qua học phần này, từ những kiến thức trang bị được học viên sẽ có cái nhìn khách quan, theo quy luật về chủ nghĩa tư bản hiện đại, từ đó học viên có thể vận dụng để phân tích, lý giải những vấn đề trong quan hệ quốc tế trong khu vực và thế giới.

10. Hệ thống kiến thức lịch sử thế giới – tiếp cận từ góc nhìn ứng dụng

- Tên học phần: Hệ thống kiến thức lịch sử thế giới – tiếp cận từ góc nhìn ứng dụng
- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08LSTG2010
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm 4 nội dung chính. Thông qua học phần, người học hệ thống kiến thức lịch sử thế giới và phân tích được những kiến thức nào có thể ứng dụng trong giảng dạy và thực tiễn. Từ đó, người học có thể vận dụng được các kết quả nghiên cứu về lịch sử thế giới để giải quyết các vấn đề liên quan đến thực tiễn công tác.

11. Xây dựng hồ sơ tư liệu lịch sử (Trường hợp cách mạng tháng Mười Nga)

- Tên học phần: Xây dựng hồ sơ tư liệu lịch sử (Trường hợp cách mạng tháng Mười Nga)

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08LSTG2011

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung: Học phần gồm 2 phần nội dung chính và 1 phần thực hành. Thông qua học phần, người học sẽ phân tích được những nội dung chuyên sâu về cách mạng tháng mười và biết cách xây dựng hồ sơ tư liệu cách mạng tháng Mười. Qua đó, người học xác định được các phương pháp nghiên cứu, kỹ năng của chuyên ngành để triển khai hồ sơ và thực hiện được một hồ sơ tư liệu thuộc lĩnh vực lịch sử thế giới gắn với những vấn đề của thực tiễn đặt ra.

12. Lịch sử thế giới trong chương trình phổ thông - cách tiếp cận theo hướng phát triển năng lực

- Tên học phần: Lịch sử thế giới trong chương trình phổ thông - cách tiếp cận theo hướng phát triển năng lực

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08LSTG2012

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần gồm 4 phần nội dung chính và 4 phần thực hành. Thông qua học phần, người học sẽ tìm hiểu sâu hơn về các nội dung lịch sử thế giới trong chương trình phổ thông, qua đó người học sẽ được trang bị kiến thức, kỹ năng để giảng dạy học sinh theo hướng tiếp cận phát triển năng lực.

13. Lịch sử nghệ thuật Đông Nam Á

- Tên học phần: Lịch sử nghệ thuật Đông Nam Á

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08LSTG2013

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần gồm 6 phần lý thuyết và 1 phần thực hành. Thông qua học phần, người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản nhất về sự phát triển của nghệ thuật tạo hình Đông Nam Á qua các thời kỳ khác nhau. Những phong cách nghệ thuật từng có và hiện tồn, những công trình kiến trúc và những tác phẩm điêu khắc hội họa nổi tiếng, đại diện cho các thời kỳ khác nhau của lịch sử - văn hoá khu vực. Qua đó, người học vận dụng được kiến thức đã học để nhận biết các phong cách nghệ thuật và định niên đại ở bảo tàng cũng như so sánh được sự khác nhau giữa phong cách nghệ thuật của các thời kì thông qua các tác phẩm nghệ thuật.

14. Dấu ấn văn hóa Pháp ở Việt Nam

- Tên học phần: Dấu ấn văn hóa Pháp ở Việt Nam
- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08LSTG2014
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm ba phần và một bài thực hành nghiên cứu. Thông qua học phần, người học sẽ lĩnh hội mục đích và nội dung chính sách văn hóa do chính quyền thuộc địa Pháp triển khai tại Việt Nam (và quần thể Đông Dương nói chung), nhận biết các dấu ấn về văn hóa thời kỳ thuộc địa còn hiện hữu trong xã hội Việt Nam hiện đại, rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu về các vấn đề lịch sử - văn hóa. Trên cơ sở này, người học thực hiện một nghiên cứu về các vấn đề lịch sử - văn hóa Việt Nam thời thuộc địa, đánh giá và đề ra phương thức ứng xử phù hợp đối với các dấu ấn văn hóa thời thuộc địa Pháp trong xã hội Việt Nam hiện đại.

15. Đời sống văn hóa của cư dân phương Tây thời trung cổ (thế kỉ V - XV)

- Tên học phần: Dấu ấn văn hóa Pháp ở Việt Nam
- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08LSTG2015
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm 3 nội dung chính. Thông qua học phần, người học phân tích được những nội dung sinh hoạt văn hóa của cư dân phương Tây thời trung cổ (thế kỉ V -

XV). Từ đó, người học có thể vận dụng được các kết quả nghiên cứu để có thể liên hệ vào đời sống thực tiễn những vấn đề có liên quan đến sinh hoạt văn hóa.

16. Quan hệ Ấn Độ - Đông Nam Á: Một số vấn đề về tôn giáo và văn hóa

- Tên học phần: Quan hệ Ấn Độ - Đông Nam Á: Một số vấn đề về tôn giáo và văn hóa

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08LSTG2016

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần này gồm có 4 phần và là học phần bắt buộc/tự chọn nằm trong cả định hướng nghiên cứu và ứng dụng thuộc chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Lịch sử thế giới. Thông qua học phần, người học sẽ nắm bắt được những hiểu biết về ảnh hưởng của tôn giáo, văn hóa Ấn Độ đến văn hóa Đông Nam Á. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng vào việc nghiên cứu và giảng dạy lịch sử thế giới cổ trung đại, vận dụng trong hoạt động thực tiễn theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử để giải quyết những vấn đề về tôn giáo, văn hóa trong đời sống xã hội hiện nay

17. Lịch sử hình thành và phát triển con đường tơ lụa (thế kỷ II TCN-thế kỷ XVI)

- Tên học phần: Lịch sử hình thành và phát triển con đường tơ lụa (thế kỷ II TCN - thế kỷ XVI)

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08LSTG2017

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần gồm 5 phần lý thuyết. Thông qua học phần, người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản nhất về sự phát triển và hình thành của con đường tơ lụa từ thế kỷ II TCN đến thế kỷ XVI. Qua đó, người học vận dụng được kiến thức đã học để nhận biết quá trình giao lưu kinh tế - văn hóa - chính trị giữa các quốc gia trên con đường tơ lụa, cũng như vai trò của con đường thương mại này trong giao lưu văn hóa - văn minh thế giới thời kỳ cổ trung đại.

18. Quan hệ Nhật Bản – Việt Nam trong Lịch Sử

- Tên học phần: Quan hệ Nhật Bản - Việt Nam trong Lịch sử
- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08LSTG2018
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm 5 phần lý thuyết. Thông qua học phần, người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản nhất về quan hệ Nhật Bản - Việt Nam trong Lịch sử từ thời kì cổ trung đại, cận đại đến hiện đại. Qua đó, người học vận dụng được kiến thức đã học để nhận biết về mối quan hệ hữu nghị giữa Nhật Bản – Việt Nam và có những đánh giá, nhận định, biện pháp để thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước.

19. Quan hệ kinh tế quốc tế

- Tên học phần: Quan hệ kinh tế quốc tế
- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08LSTG2019
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần này gồm có 8 chương và là học phần bắt buộc/tự chọn nằm trong cả định hướng nghiên cứu và ứng dụng thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử thế giới. Thông qua học phần, học viên có thể phân tích được những vấn đề lý luận về quan hệ quốc tế, các tổ chức thương mại thế giới, các chính sách, biện pháp ngoại thương cũng như thị trường tài chính và đầu tư quốc tế. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng các lý thuyết và thực tiễn liên quan vào phân tích, lý giải và đánh giá một cách khoa học các vấn đề kinh tế của các quốc gia, khu vực trên thế giới; vận dụng vào nghiên cứu và giảng dạy những vấn đề liên quan tới quan hệ kinh tế giữa các quốc gia, chủ thể, tổ chức... trên thế giới.

20. Sự điều chỉnh chiến lược của một số nước lớn hiện nay

- Tên học phần: Sự điều chỉnh chiến lược của một số nước lớn hiện nay
- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08LSTG2020

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm phần lý thuyết. Thông qua học phần, người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản nhất về sự điều chỉnh chiến lược của một số nước lớn hiện nay. Thông qua đó, người học vận dụng trong việc phân tích, đánh giá vai trò của địa phương/đơn vị trong triển khai chủ trương phát triển quan hệ với các nước lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

7. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Ngô Minh Oanh	PGS.TS	Lịch sử thế giới, quan hệ quốc tế	Lịch sử thế giới, quan hệ quốc tế, phương pháp nghiên cứu khoa học	Địa chính trị và địa chiến lược trong Quan hệ quốc tế thời cận – hiện đại; Chủ nghĩa tư bản hiện đại
2	Hà Bích Liên	TS	Lịch sử thế giới	Lịch sử thế giới cổ trung đại, LS Đông Nam Á	Lịch sử - văn hoá các quốc gia cổ khu vực Đông Nam Á lục địa; Hệ thống kiến thức lịch sử thế giới – tiếp cận từ góc nhìn ứng dụng; Lịch sử nghệ thuật Đông Nam Á
3	Nguyễn Minh Mẫn	TS	Lịch sử thế giới, quan hệ quốc tế	Lịch sử Trung Quốc, lịch sử Nhật Bản, quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Bắc Á	Chính sách ngoại giao của Trung Quốc sau chiến tranh lạnh

4	Cao Nguyễn Khánh Huyền	TS	Lịch sử thế giới, quan hệ quốc tế	Lịch sử thế giới, chính sách đối ngoại của Hàn Quốc, quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Bắc Á	Quan hệ kinh tế quốc tế
5	Nguyễn Trà My	TS	Lịch sử thế giới	Lịch sử thế giới cổ trung đại; LS Đông Nam Á	Nhà nước trong thời kỳ Cổ trung đại và những giá trị còn lại; Lịch sử thế giới trong chương trình phổ thông – cách tiếp cận theo hướng phát triển năng lực; Đời sống văn hóa của cư dân phương Tây thời trung cổ (thế kỉ V - XV)

7.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Lê Phụng Hoàng	TS	Lịch sử thế giới	Lịch sử thế giới cận hiện đại, quan hệ quốc tế	Lịch sử chế độ thực dân.
2	Trịnh Tiến Thuận	TS	Lịch sử thế giới	Lịch sử thế giới cổ trung đại, Lịch sử Nhật Bản	Quan hệ Nhật Bản – Việt Nam trong Lịch Sử
3	Đỗ Thị Hạnh	TS	Lịch sử thế giới	Lịch sử thế giới cận hiện đại, quan hệ quốc tế	Chủ nghĩa tư bản hiện đại

4	Nguyễn Phương Lan	TS	Lịch sử thế giới	Lịch sử thế giới cận hiện đại, lịch sử Ấn Độ, quan hệ quốc tế	Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử
---	----------------------	----	---------------------	--	--

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY - HỌC TẬP

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có:

- 01 Hội trường B với sức chứa hơn 900 người, đáp ứng việc tổ chức các sự kiện lớn, các hoạt động học tập, sinh hoạt chính trị, phổ biến quy chế, tổ chức các buổi tiếp nhận ý kiến đóng góp và giải đáp thắc mắc của sinh viên, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ của viên chức, sinh viên.

- 01 Nhà thi đấu và 01 Nhà luyện tập thể dục thể thao với sức chứa gần 300 người, đáp ứng nhu cầu học tập, tập luyện, thi đấu thể dục thể thao của viên chức, sinh viên.

- 08 Giảng đường (A103, A113, A303, A303, GD D, GD 18, GD 19, GĐA) với sức chứa gần 200 người, phù hợp với việc tổ chức giảng dạy nhiều học phần lí thuyết, tổ chức sinh hoạt sinh viên, thi nghiệp vụ sư phạm.

- 162 phòng học lý thuyết với sức chứa trung bình 50 người/phòng, đáp ứng việc tổ chức giảng dạy và tổ chức thi các học phần.

- 37 phòng máy vi tính hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập Công nghệ thông tin.

- 09 phòng học thông minh (B605, C401, C403, C405, C406, C407, C501, C503, C506) với hệ thống bảng tương tác.

- 32 phòng thực hành, thí nghiệm

- Phòng thí nghiệm Cơ – Nhiệt;

- Phòng thí nghiệm Điện – Quang;

- Phòng thí nghiệm Vật lý đại cương nâng cao;

- Phòng thí nghiệm Thực hành Vật lý phổ thông;

- Phòng thí nghiệm Điện kĩ thuật;

- Phòng thí nghiệm Vô tuyến điện;

- Phòng thí nghiệm Vật lý hạt nhân;

- Phòng máy tính hiệu năng cao;

- Hệ thống mạng internet phủ toàn trường, phát wifi miễn phí cho người học truy cập mạng, đăng kí, học tập trực tuyến qua các thiết bị cá nhân.
- Tất cả các phòng học lí thuyết đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu.
- Trung tâm Tin học, Trung tâm Ngoại ngữ, Tổ Nữ công của Trường thường xuyên cập nhật chương trình, có chế độ miễn giảm học phí, khuyến khích người học học tập.
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có hàng chục nghìn đầu sách, giáo trình, tài liệu học tập, nghiên cứu; không chỉ kết nối, liên kết với hệ thống thư viện toàn quốc mà còn hợp tác với thư viện của nhiều trường đại học ở nước ngoài.
- Tài liệu, cơ sở dữ liệu: Thư viện, tủ sách khoa, cơ sở dữ liệu sách điện tử của khoa.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Để thực hiện chương trình này:

- Cán bộ quản lý phải đảm bảo cơ sở vật chất phù hợp, mở các lớp học đúng kế hoạch và đủ số lượng để sinh viên có thể hoàn thành chương trình trong thời hạn quy định.
- Giảng viên phải cung cấp chương trình chi tiết học phần kèm hình thức tổ chức dạy-học, cách thức đánh giá cho người học ngay buổi học đầu tiên. Cần lưu ý nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên để họ hoàn thành khối lượng kiến thức bài học theo yêu cầu tín chỉ (các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, yêu cầu của giảng viên đối với các vấn đề đó).
- Người học phải tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và xác định chương trình học tập, tự giác trong tự học, tự lên kế hoạch và lập thời gian biểu cho quá trình học tập.
- Các yêu cầu cần đảm bảo khi thực hiện chương trình xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho người học:
 - Tập trung vào dạy cách học và rèn luyện năng lực tự học cho người học.
 - Tinh giản lý thuyết, gắn lý thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm.
 - Cần chú ý việc vận dụng các kiến thức vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.

- Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học phần, đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học.

- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá bằng hình thức vấn đáp hoặc thông qua các hoạt động thực hành, thuyết trình và các sản phẩm như báo cáo đánh giá, báo cáo tổng kết, tiểu luận, ...

- Đảm bảo tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, giúp cho người học phát triển đầy đủ phẩm chất và năng lực để thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục và dạy học.

- Triển khai thực hiện việc dạy học linh hoạt, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học nhưng phải đảm bảo tính khoa học của cấu trúc chương trình đào tạo.

- Bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

	<i>Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022</i> HIỆU TRƯỞNG Huỳnh Văn Sơn
--	---